ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ KIẾN DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA K41,K42,K43
Được cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2019 - 2020

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa, ngành	Điểm xét		XL HB	Mức cấp (đ)	Số tháng	Tổng tiền (đ)
						HT	RL				
1.	17A5021308	Hồ Như	**Phượng**	28-11-1999	LKT K41	9.12	XS	XS	1,335,000	5	6,675,000
2.	17A5021337	Lương Thị Thanh	**Tâm**	30-06-1998	LKT K41	8.93	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
3.	17A5021501	Nguyễn Đức	**Thịnh**	05-01-1999	LKT K41	8.93	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
4.	17A5021277	Nguyễn Thị Trang	**Nhung**	16-11-1999	LKT K41	8.90	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
5.	17A5021477	Phạm Đức	**Anh**	24-11-1999	LKT K41	8.89	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
6.	17A5021416	Trương Thị Thùy	**Trang**	22-02-1999	LKT K41	8.87	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
7.	17A5021264	Lê Thị Minh	**Nguyệt**	15-11-1999	LKT K41	8.84	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
8.	17A5021273	Nguyễn Thị Mỹ	**Nhi**	19-07-1999	LKT K41	8.84	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
9.	17A5021304	Nguyễn Thị Thu	**Phương**	29-10-1999	LKT K41	8.80	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
10.	17A5021138	Nguyễn Thị	**Huệ**	20-06-1999	LKT K41	8.76	XS	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
11.	17A5021489	Trần Văn	**Hoàng**	29-05-1999	LKT K41	8.69	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
12.	17A5021373	Hồ Thị Lệ	**Thuỷ**	15-01-1999	LKT K41	8.69	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
13.	17A5021219	Nguyễn Thiên	**Lý**	12-07-1999	LKT K41	8.68	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
14.	17A5021015	Dương Thị Ngọc	**Ánh**	02-02-1999	LKT K41	8.67	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
15.	17A5021207	Nguyễn Phi	**Long**	22-11-1997	LKT K41	8.63	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
16.	17A5021131	Nguyễn Thị	**Hoan**	28-06-1999	LKT K41	8.61	XS	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
17.	17A5021323	Nguyễn Thị Như	**Quỳnh**	04-07-1999	LKT K41	8.59	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
18.	17A5021023	Nguyễn Quang	**Cảnh**	16-06-1999	LKT K41	8.55	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
19.	18A5021234	Phạm Thị Thanh	**Khê**	02-01-2000	LKT K42	8.83	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
20.	18A5021228	Trần Văn	**Hương**	20-08-2000	LKT K42	8.81	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
21.	18A5021151	Trần Thị Thu	**Hiền**	30-09-2000	LKT K42	8.81	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
22.	18A5021479	Trần Thị	**Thảo**	22-03-2000	LKT K42	8.73	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
23.	18A5021023	Phạm Thị Thiện	**Ân**	28-02-2000	LKT K42	8.71	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
24.	18A5021373	Trương Mỹ	**Nhi**	05-06-2000	LKT K42	8.71	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
25.	18A5021591	Trần Tú	**Uyên**	24-10-2000	LKT K42	8.65	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
26.	18A5021148	Ngô Thị	**Hiền**	18-02-2000	LKT K42	8.65	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
27.	18A5021123	Nguyễn Thanh	**Hải**	01-09-1998	LKT K42	8.64	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
28.	18A5021494	Hoàng Tấn	**Thông**	24-08-2000	LKT K42	8.63	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
29.	18A5021397	Nguyễn Thị Kiều	**Oanh**	01-01-2000	LKT K42	8.59	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
30.	18A5021169	Đinh Thị	**Hoa**	16-06-2000	LKT K42	8.51	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
31.	18A5021485	Nguyễn Thị	**Thắm**	15-01-2000	LKT K42	8.49	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
32.	18A5021180	Phan Thúy	**Hoài**	09-02-2000	LKT K42	8.48	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
33.	18A5021545	Nguyễn Thị Huyền	**Trang**	17-08-2000	LKT K42	8.47	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
34.	18A5021166	Nguyễn Ngọc	**Hiệp**	16-09-2000	LKT K42	8.43	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
35.	18A5021302	Trần Thị Phương	**Ly**	11-11-2000	LKT K42	8.41	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
36.	18A5021243	Cao Thị Hồng	**Lài**	30-03-2000	LKT K42	8.39	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
37.	18A5021607	Phạm Văn	**Việt**	05-09-2000	LKT K42	8.39	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa, ngành	Điểm xét		XL HB	Mức cấp (đ)	Số tháng	Tổng tiền (đ)
						HT	RL				
38.	18A5021061	Trần Thị	**Diễm**	09-04-2000	LKT K42	8.37	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
39.	18A5021456	Bùi Sĩ	**Thành**	01-01-2000	LKT K42	8.37	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
40.	18A5021389	Lê Thị Hoài	**Ni**	12-07-2000	LKT K42	8.36	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
41.	18A5021512	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	24-10-2000	LKT K42	8.35	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
42.	19A5021221	Nguyễn Công	**Đức**	25-06-2000	LKT K43	9.19	XS	XS	1,335,000	5	6,675,000
43.	19A5021011	Phan Thị Thu	**Bích**	04-10-2001	LKT K43	9.07	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
44.	19A5021275	Ngô Thị Thúy	**Hằng**	12-03-2001	LKT K43	8.91	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
45.	19A5021720	Võ Thị Thu	**Thảo**	08-10-2000	LKT K43	8.73	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
46.	19A5021474	Lê Thị	**Lụa**	20-11-2001	LKT K43	8.67	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
47.	19A5021846	Phan Thị Thanh	**Ty**	10-04-2001	LKT K43	8.62	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
48.	19A5021909	Nguyễn Thị Thu	**Thảo**	26-02-2001	LKT K43	8.61	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
49.	19A5021614	Đinh Vũ Hoàng	**Phong**	06-11-2001	LKT K43	8.57	XS	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
50.	19A5021532	Lê Thủy	**Ngân**	17-10-2001	LKT K43	8.57	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
51.	19A5021547	Phùng Xuân Mỹ	**Ngọc**	22-01-2000	LKT K43	8.55	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
52.	19A5021535	Trần Thị Kim	**Ngân**	26-02-2001	LKT K43	8.53	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
53.	19A5021870	Nguyễn Tường	**Vi**	24-03-2001	LKT K43	8.49	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
54.	19A5021517	Phạm Thị	**Mỹ**	04-08-2001	LKT K43	8.47	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
55.	19A5021739	Phạm Đình	**Thông**	18-08-2001	LKT K43	8.43	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
56.	19A5021529	Trần Thị Kim	**Ngà**	01-01-2001	LKT K43	8.43	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
57.	19A5021613	Trần Tuyết	**Phi**	02-02-2001	LKT K43	8.41	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
58.	19A5021476	Hoàng Thanh	**Luân**	01-04-2001	LKT K43	8.40	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
59.	19A5021528	Huỳnh Văn	**Ngà**	18-10-1999	LKT K43	8.39	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
60.	17A5011481	Dương Thị Mỹ	**Nhi**	01-07-1999	Luật K41	8.86	XS	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
61.	17A5011334	Đàm Thị Tú	**Linh**	26-12-1998	Luật K41	8.72	XS	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
62.	17A5011520	Phan Thị Kim	**Phú**	29-03-1999	Luật K41	8.72	XS	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
63.	17A5011750	Lê Lam	**Tuyền**	11-07-1999	Luật K41	8.69	XS	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
64.	17A5011177	Võ Thị Thanh	**Hảo**	08-05-1999	Luật K41	8.67	XS	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
65.	17A5011721	Nguyễn Công	**Triệu**	09-04-1999	Luật K41	8.67	XS	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
66.	17A5011816	Nguyễn Thị Kim	**Yến**	12-04-1999	Luật K41	8.6	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
67.	17A5011242	Phạm Thị Minh	**Huệ**	15-03-1999	Luật K41	8.57	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
68.	17A5011304	Bùi Thị	**Kiều**	28-01-1999	Luật K41	8.57	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
69.	17A5011130	Trương Quốc	**Đạt**	06-03-1998	Luật K41	8.55	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
70.	17A5011727	Nguyễn Thị Tuyết	**Trinh**	16-03-1999	Luật K41	8.55	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
71.	17A5011503	Nguyễn Trần Cẩm	**Nhung**	20-04-1999	Luật K41	8.55	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
72.	17A5011605	Hồ Thị Phương	**Thảo**	06-12-1998	Luật K41	8.51	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
73.	17A5011234	Ngô Thị ánh	**Hồng**	09-10-1999	Luật K41	8.50	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
74.	17A5011096	Huỳnh Thị Mỹ	**Duyên**	02-01-1999	Luật K41	8.48	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
75.	17A5011119	Nguyễn Thị Hoa	**Đào**	18-05-1999	Luật K41	8.47	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
76.	17A5011663	Lê Thị	**Thủy**	08-11-1999	Luật K41	8.45	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
77.	17A5011819	Trần Thị Ngọc	**Ý**	27-12-1999	Luật K41	8.44	XS	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
78.	17A5011658	Trần Thị Minh	**Thúy**	27-02-1999	Luật K41	8.43	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
79.	17A5011291	Trần Văn An	**Khánh**	21-03-1999	Luật K41	8.41	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
80.	17A5011715	Trần Phương	**Trà**	03-09-1998	Luật K41	8.40	XS	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
81.	17A5011013	Nguyễn Ngọc	**Anh**	05-09-1999	Luật K41	8.39	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
82.	17A5011115	Trần Quốc	**Dương**	12-05-1999	Luật K41	8.38	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa, ngành	Điểm xét		XL HB	Mức cấp (đ)	Số tháng	Tổng tiền (đ)
						HT	RL				
83.	17A5011309	Trương Thị Trọng	**Kim**	18-02-1999	Luật K41	8.37	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
84.	17A5011307	Đinh Tuấn	**Kiệt**	01-09-1999	Luật K41	8.37	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
85.	17A5011404	Nguyễn Phương	**Mai**	13-11-1999	Luật K41	8.36	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
86.	17A5011467	Bùi Thị	**Nhanh**	13-07-1999	Luật K41	8.36	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
87.	17A5011818	Nguyễn Tấn	**Ý**	04-03-1999	Luật K41	8.35	XS	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
88.	17A5011381	Nguyễn Hoàng	**Luân**	01-03-1997	Luật K41	8.35	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
89.	17A5011162	Nguyễn Thị Bảo	**Hà**	30-03-1999	Luật K41	8.34	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
90.	18A5011753	Hoàng Thị Thanh	**Thủy**	24-01-2000	Luật K42	9.01	XS	XS	1,335,000	5	6,675,000
91.	18A5011804	Võ Thị Vân	**Trang**	28-02-2000	Luật K42	8.97	XS	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
92.	18A5011803	Phạm Thị Linh	**Trang**	06-10-2000	Luật K42	8.69	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
93.	18A5011374	Nguyễn Thị Hoài	**Linh**	01-03-2000	Luật K42	8.68	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
94.	18A5011937	Trần Thị Bảo	**Trâm**	08-09-2000	Luật K42	8.63	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
95.	18A5011318	Vũ Hoàng Minh	**Khánh**	02-09-2000	Luật K42	8.61	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
96.	18A5011786	Phạm Văn	**Toàn**	12-06-2000	Luật K42	8.57	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
97.	18A5011129	Hoàng Cao	**Đẳng**	27-11-2000	Luật K42	8.54	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
98.	18A5011218	Phạm Thị	**Hiền**	19-12-2000	Luật K42	8.54	XS	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
99.	18A5011353	Trương Quỳnh	**Liên**	17-09-2000	Luật K42	8.52	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
100.	18A5011030	Tôn Nữ Phương	**Ân**	12-04-2000	Luật K42	8.51	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
101.	18A5011930	Phạm Công	**Thái**	02-04-2000	Luật K42	8.51	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
102.	18A5011294	Trần Quang	**Hưng**	06-05-1999	Luật K42	8.50	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
103.	18A5011815	Đỗ Thị Kiều	**Trinh**	23-06-2000	Luật K42	8.39	XS	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
104.	18A5011226	Lê Thị Minh	**Hiếu**	07-09-2000	Luật K42	8.37	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
105.	18A5011099	Phan Thanh	**Duy**	24-11-1998	Luật K42	8.36	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
106.	18A5011777	Hồ Thủy	**Tiên**	07-06-2000	Luật K42	8.35	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
107.	18A5011465	Phạm Thị	**My**	10-02-2000	Luật K42	8.33	XS	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
108.	18A5011009	Lê Tuấn	**Anh**	02-02-2000	Luật K42	8.33	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
109.	18A5011436	Trần Thị Ngọc	**Mai**	22-08-2000	Luật K42	8.31	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
110.	18A5011875	Hà Thị Thanh	**Vân**	16-02-2000	Luật K42	8.31	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
111.	18A5011342	Nguyễn Thị Thủy	**Lan**	20-11-2000	Luật K42	8.27	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
112.	19A5011864	Trần Thị Hiếu	**Thảo**	02-02-2001	Luật K43	8.43	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
113.	19A5011B13	Phạm Đỗ Thu	**Tuấn**	08-09-2001	Luật K43	8.37	Khá	Khá	890,000	5	4,450,000
114.	19A5011015	Phạm Thị Anh	**Đào**	24-04-2001	Luật K43	8.36	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
115.	19A5011010	Phan Thị Quỳnh	**Châu**	27-09-2001	Luật K43	8.32	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
116.	19A5011032	Nguyễn Võ Nhật	**Hà**	11-04-2001	Luật K43	8.12	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
117.	19A5011B60	Trần Hoài	**Vũ**	02-07-2001	Luật K43	8.09	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
118.	19A5011151	Bùi Thị Thu	**Trang**	07-02-2000	Luật K43	8.09	Giỏi	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
119.	19A5011345	Nguyễn	**Hải**	02-10-2001	Luật K43	8.01	XS	Giỏi	1,112,500	5	5,562,500
120.	19A5011109	Võ Bùi Hồng	**Phúc**	28-05-2001	Luật K43	7.95	Giỏi	Khá	890,000	5	4,450,000
121.	19A5011326	Trương Thị Hằng	**Duyên**	26-06-2001	Luật K43	7.91	Khá	Khá	890,000	5	4,450,000
122.	19A5011142	Nguyễn Thị Bích	**Tiền**	27-02-2001	Luật K43	7.86	Giỏi	Khá	890,000	5	4,450,000
123.	19A5011622	Trần Thị	**Ngân**	16-09-2001	Luật K43	7.83	Khá	Khá	890,000	5	4,450,000
124.	19A5011058	Nguyễn Thị Thanh	**Hương**	04-08-2001	Luật K43	7.81	Khá	Khá	890,000	5	4,450,000
125.	19A5011643	Hoàng Thị Thảo	**Nguyên**	19-03-2001	Luật K43	7.79	Giỏi	Khá	890,000	5	4,450,000
126.	19A5011236	Phan Thị Kim	**Chi**	13-05-2001	Luật K43	7.78	Khá	Khá	890,000	5	4,450,000
127.	19A5011610	Nguyễn Thị	**Nga**	19-03-2001	Luật K43	7.76	Khá	Khá	890,000	5	4,450,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa, ngành	Điểm xét		XL HB	Mức cấp (đ)	Số tháng	Tổng tiền (đ)
						HT	RL				
128.	19A5011998	Lê Ngọc Huỳnh	**Trường**	28-08-1998	Luật K43	7.75	Khá	Khá	890,000	5	4,450,000
129.	19A5011114	Đoàn Võ	**Quốc**	29-05-2001	Luật K43	7.73	Khá	Khá	890,000	5	4,450,000
130.	19A5011723	Lê Thị	**Phúc**	20-05-2001	Luật K43	7.73	Khá	Khá	890,000	5	4,450,000
131.	19A5011011	Lê Thị Kim	**Chi**	25-09-2001	Luật K43	7.71	Giỏi	Khá	890,000	5	4,450,000
132.	19A5011227	Trần Thị	**Cảm**	05-01-2001	Luật K43	7.69	Giỏi	Khá	890,000	5	4,450,000
133.	19A5011001	Trương Thị Thùy	**An**	25-02-2001	Luật K43	7.65	Giỏi	Khá	890,000	5	4,450,000
134.	19A5011145	Đặng Thị Huyền	**Trâm**	23-07-2001	Luật K43	7.63	Giỏi	Khá	890,000	5	4,450,000
135.	19A5011942	Trần Danh	**Toàn**	10-02-2001	Luật K43	7.61	Giỏi	Khá	890,000	5	4,450,000